

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 232 /2018/QĐST-HNGĐ

Ngày 03/ 8 /2018

V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Bạ

2. Ông Mai Văn Anh

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐH ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc P, *có mặt*

Trú tại: Thôn Q, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

- *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc S, *vắng mặt*

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2018 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc Ph trình bày:

1/ Về hôn nhân:

Bà và ông Trương Ngọc S tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Nay bà xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S để bà được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Tại hồ sơ vụ án bị đơn ông Trương Ngọc S trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà Đỗ Thị Ngọc P về quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Nhưng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, bản thân ông còn

tình cảm với vợ và không muốn đổ vỡ gia đình ảnh hưởng đến các con nên không đồng ý ly hôn.

2/ Về con chung: Vợ chồng thống nhất khai có 03 cháu tên là Trương Ngọc L, sinh ngày 2/1/2005; Trương Ngọc Q, sinh ngày 19/10/2009 và Trương Kim N, sinh ngày 27/5/2017. Bà P, ông S cùng thống nhất giao ba cháu L, Q, N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông S có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi dưỡng ba cháu mỗi tháng mười lăm triệu đồng (*mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng*).

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất tự giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành niêm yết thủ tục đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông S vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

**Về nội dung:*

1/Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Ngọc P và ông Trương Ngọc S thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của bà P và ông S thì thấy sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà P là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Còn theo ông S thì hai vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần kiên trì hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ chung sống nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà P kiên quyết xin được ly hôn. HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2/ Về quan hệ con chung: HĐXX nghĩ nên Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà P và ông S là phù hợp với quy định pháp luật.

3/Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà P và ông S thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Ngọc P:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho bà Đỗ Thị Ngọc P được ly hôn với ông Trương Ngọc S.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trương Ngọc L, sinh ngày 2/1/2005; Trương Ngọc Q, sinh ngày 19/10/2009 và Trương Kim N, sinh ngày 27/5/2017 cho Bà Đỗ Thị Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ông Trương Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L, Q, N mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng/ 1 cháu cho đến khi các cháu L, Q, N đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung: kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông S có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S không trả số tiền trên thì hàng tháng ông S còn phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Đỗ Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010964 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc. Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích luật thi hành án dân sự*)

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phụng

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã Đại Phong
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phượng